

Bản án số 184/2022/DS-PT

Ngày 19 - 7 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Cao Khánh

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khóm 11, thị t, huyện T, tỉnh C..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L1: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1953.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn T1: Bà Hà Yên T2, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: số 330D, đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bà Hà Cát L2, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Vũ Hiệp, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Số 368, đường Nguyễn Xí, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Thanh L1 là nguyên đơn; ông Đỗ Văn T1 và bà Hà Cát L2 là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L1 trình bày: Ngày 30/9/2011, ông Đỗ Văn T1 và bà Hà Cát L2 có vay của ông Nguyễn Thanh L1 số tiền 620.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 21%/năm. Khi vay, ông T1 cùng bà L2 có cầm cố 02 thửa đất để đảm bảo cho khoản nợ vay. Việc cầm cố có làm hợp đồng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 và bà L2 đã trả được số tiền vốn là 195.000.000 đồng nên ông L1 đã trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 6 cho ông T1, số tiền nợ còn lại theo thỏa thuận đến nay ông T1, bà L2 chưa trả.

Đến năm 2013, ông L1 khởi kiện đến Tòa án thành phố Cà Mau nhưng ông T1 yêu cầu ông L1 rút đơn khởi kiện để hai bên thỏa thuận việc trả nợ, nên ông L1 đồng ý và Tòa án đã đình chỉ vụ án tại Quyết định số 116/QĐST-DS ngày 19/7/2013. Tuy nhiên, ông T1 không thực hiện nên đến ngày 10/12/2019, ông L1 gửi đơn đến Ban nhân dân khóm 6 giải quyết, tại buổi làm việc ở khóm ông T1 đã ký vào tờ cam kết và xin gia hạn thanh toán nợ, có sự chứng kiến của Trưởng khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau. Hiện ông T1 và bà L2 còn nợ ông L1 số tiền vốn vay là 425.000.000 đồng và tiền lãi là 751.710.000 đồng (Trong đó: lãi tính từ ngày 01/10/2011 đến 30/12/2015 là 51 tháng theo mức lãi suất 1,125%/tháng là 243.750.000 đồng, lãi tính từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 01 năm 2022 là 72 tháng theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền là 507.960.000 đồng), tổng hai khoản ông T1 và bà L2 còn nợ là 1.176.710.000 đồng. Nay ông L1 yêu cầu ông T1 cùng bà L2 có trách nhiệm trả số tiền còn nợ nêu trên, ông L1 sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM402103 cho ông T1, bà L2 khi trả xong nợ. Đồng thời, yêu cầu ông T1 và bà L2 trả lại số tiền ông L1 đã trả chi phí cho cơ quan giám định là 4.880.000 đồng.

Bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 trình bày: Bà Hà Cát L2 và ông Đỗ Văn T1 không ký hợp đồng cầm cố hai thửa đất cho ông L1 vào ngày 30/9/2011 để vay số tiền như ông L1 trình bày, ông T1 thừa nhận có ký tên vào hợp đồng này nhưng ký tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Sông Đốc, không có mặt bà L2, không có mặt của đại diện UBND thị trấn Sông Đốc, còn nội dung hợp đồng thì ông T1 hoàn toàn không biết.

Đối với tờ cam kết và xin gia hạn thanh toán nợ được lập tại trụ sở khóm 6 vào ngày 10/12/2019, ông T1 chỉ cam kết đưa ông Hà Vũ Hiệp là anh vợ của ông về gặp ông L1 để ông L1 trả lại sổ đỏ cho ông chứ không hứa sẽ cùng vợ đứng ra trả nợ cho ông L1, nội dung tờ cam kết là do ông Phan Hoàng B là người đại diện cho ông L1 viết nhưng ghi không đúng nội dung buổi làm việc nên tờ cam kết này ông T1 không đồng ý. Mặt khác, bà L2, ông T1 thừa nhận trước đây có cho ông Hiệp mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cà Mau để thế chấp tại Ngân hàng bảo đảm khoản nợ vay của ông Hiệp. Sau đó, ông Hiệp đã tắt toán xong nợ nên Ngân hàng đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà L2, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau vợ chồng bà L2 cũng cho ông Hiệp mượn, hiện ông Hiệp vẫn chưa trả lại giấy này. Do đó, ông T1 và bà L2 xác định không thiếu nợ ông L1 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L1 và yêu cầu ông L1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM402103 do UBND thành phố Cà Mau cấp cho ông T1, bà L2 vào ngày 08/8/2008.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Vũ Hiệp trình bày:

Ông là anh ruột của bà Hà Cát L2. Năm 2008, ông có mượn vợ chồng bà L2 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 346257 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 03/12/2008, phần đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cà Mau để thế chấp vay số tiền 195.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau – PGD Sông Đốc, ông T1 và bà L2 là người ủy quyền cho ông đứng ra vay tiền. Đến khoảng năm 2009, ông nhờ ông L1 đứng ra bảo lãnh để nợ vay không chuyển quá hạn, sau một tháng ông L1 bảo lãnh ông đã tắt toán nợ cho Ngân hàng. Sau khi tắt toán xong, Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và ông đã trả lại giấy này cho ông T1, bà L2. Cũng vào năm 2009, ngay sau khi trả giấy thì ông tiếp tục mượn của ông T1, bà L2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM402103 do UBND thành phố Cà Mau cấp vào ngày 08/8/2008, phần đất tọa lạc tại xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. Khi mượn, ông T1 có ký giấy đồng ý cho mượn và được ký tại trụ sở Ngân hàng, mục đích ông mượn giấy để thế chấp cho ông L1 làm tin trong việc mua bán xăng dầu giữa ông và ông L1, khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì giữa ông với ông T1 và ông L1 không có làm bất kỳ giấy tờ gì. Quá trình mua bán xăng dầu, ông có nợ ông L1 nhưng không xác định nợ bao nhiêu do hai bên chưa chốt nợ.

Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 30/9/2011 ông không biết nên yêu cầu khởi kiện của ông L1 đối với vợ chồng bà L2 không liên quan đến ông.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

- Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 30/9/2011 là vô hiệu.

Buộc ông Đỗ Văn T1 hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh L1 số tiền là 425.000.000 đồng và ông Nguyễn Thanh L1 có trách nhiệm hoàn trả lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 402103 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 vào ngày 08/8/2008.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh L1 về việc yêu cầu ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 trả số tiền lãi là 751.710.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 07/3/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L1 có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét buộc ông Đỗ Văn T1 trả số tiền lãi là 751.710.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 07/3/2022, bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm ông, bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 22/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vốn vay 425.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L1; không chấp nhận kháng cáo ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vốn vay 425.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L1 yêu cầu xem xét buộc ông Đỗ Văn T1 trả số tiền lãi là 751.710.000 đồng, thấy rằng:

Việc cầm cố giữa ông L1 và ông T1 có thiết lập hợp đồng tại hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xác nhận vào ngày 30/9/2011. Hơn nữa, Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh số: 2302/C09B ngày 11/5/2021 kết luận chữ ký và chữ viết trong các tài liệu nêu trên là của ông T1. Riêng chữ ký của bà Hà Cát L2 trong hợp đồng cầm cố ngày 30/9/2011, Cơ quan giám định kết luận không phải chữ ký của bà L2 và các đương sự cũng thừa nhận chữ ký trong hợp đồng trên không phải của bà L2 nhưng do ai ký thay thì không xác định được. Đồng thời tại Bản cam kết và xin gia hạn thanh toán nợ do ông T1 ký vào ngày 10/12/2019 có sự chứng kiến của Trưởng khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, ông T1 tự nguyện hứa và gia hạn thanh toán nợ cho ông L1, không có sự thống nhất của bà L2. Như vậy có căn cứ xác định ông T1 thống nhất có nợ tiền của ông L1 là có xảy ra.

Xét hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất được ký kết ngày 30/9/2011 giữa ông Nguyễn Thanh L1 với ông Đỗ Văn T1 là giả tạo về chủ thể ký kết hợp đồng

(không phải chữ ký của bà L2 trong hợp đồng) và nội dung hợp đồng cầm cố đất là không phù hợp theo qui định của pháp luật dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp Công văn số 130/UBND-TP ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc cho rằng việc ký kết được chứng thực không được theo dõi các sổ lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn. Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu là có căn cứ.

Do hợp đồng vô hiệu ngay khi ký kết, như phân tích trên và xuất phát từ lỗi của đôi bên, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bên trong việc ký kết hợp đồng, không làm phát sinh lợi nhuận trong giao dịch, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận lãi suất theo yêu cầu nguyên đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 yêu cầu xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 cho rằng không có thực hiện giao dịch ký hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất cũng như vay tiền của ông L1, tuy nhiên như đã nhận định trên cũng như qua xem xét những chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy ông T1 trực tiếp ký văn bản vay cũng như cam kết thanh toán việc ông T1 vay tiền của ông L1 là có xảy ra.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên cá nhân ông T1 có trách nhiệm thanh toán, song ông L1 không kháng cáo nội dung này và trong thực tế ký nhận nợ là do ông T1 ký nên trách nhiệm thanh toán nợ thuộc cá nhân ông T1 là phù hợp.

Đối với yêu cầu của ông T1 cho rằng hợp đồng là giả tạo nên chuyển cơ quan điều tra để xem xét dấu hiệu hình sự. Nhận thấy yêu cầu này là quyền của ông, nhưng trong phạm vi vụ án này là án dân sự và chính ông thừa nhận có ký vào văn bản và cấp sơ thẩm cũng chỉ buộc ông có trách nhiệm thanh toán (không liên quan đến trách nhiệm thuộc bà L2). Như vậy ông ký văn bản và có trách nhiệm thanh toán là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin miễn án phí: Tại cấp phúc thẩm ông có yêu cầu và yêu cầu phù hợp theo luật định nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 là không được chấp nhận.

[3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau sửa bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vốn vay 425.000.000 đồng. Như nhận định trên, nội dung kháng nghị không được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L1, ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Thanh L1, bà Hà Cát L2 phải nộp án phí phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L1, ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

- Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 30/9/2011 là vô hiệu.

Buộc ông Đỗ Văn T1 hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh L1 số tiền là 425.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng) và ông Nguyễn Thanh L1 có trách nhiệm hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 402103 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp cho ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 vào ngày 08/8/2008.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh L1 có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đỗ Văn T1 không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh L1 về việc yêu cầu ông Đỗ Văn T1, bà Hà Cát L2 trả số tiền lãi là 751.710.000 đồng (bảy trăm năm mươi một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Văn T1 có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chi phí giám định cho ông Nguyễn Thanh L1 là 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn chục nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Miễn án phí Ông Đỗ Văn T1.

Ông Nguyễn Thanh L1 phải chịu số tiền là 34.068.400 đồng. Ngày 27/5/2020, ông L1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 29.587.500 đồng (theo biên lai thu số 0001894) được đối trừ. Ông L1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 4.481.000 đồng (bốn triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng – chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh L1 phải chịu 300.000 đồng, ông đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0000987 ngày 09/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu.

Miễn án phí Ông Đỗ Văn T1; bà Hà Cát L2 phải nộp 300.000 đồng đã dự nộp tại biên lai số 0000975 ngày 07/3/2022 số tiền 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng